

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 985/CTY-KHKT đề ngày 22/12/2023 của Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú về việc hoàn thiện hồ sơ và giải trình các nội dung theo ý kiến của các thành viên Đoàn kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của Dự án “Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hòa Phú và hồ sơ bổ sung ngày 04/01/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-STNMT ngày 05/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú, địa chỉ tại thôn 12, xã Hòa phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Hòa Phú tại thôn 12, xã Hòa phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Hòa Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 12, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột,

tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định thành lập: Số 2388/QĐ-UBND ngày 15/12/2006 của UBND tỉnh “Về việc thành lập Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú”.

1.4. Mã số thuế: 6000853954.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp. Các ngành, nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) được ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-KCN ngày 20/10/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương là dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích: 180,23 ha; diện tích đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật là 165 ha (Phân khu chức năng và tổng diện tích đất của Cơ sở đã được phê duyệt tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí tương đương dự án nhóm A (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy phép môi trường này thay thế Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp Hòa Phú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty PTHT Khu công nghiệp Hòa Phú (Đ/c: Thôn 12, xã Hòa Phú, tp Buôn Ma Thuột);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ Nhà điều hành của Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ Nhà vệ sinh của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Sêrêpôk (Đoạn sông thuộc địa bàn thôn 12, xã Hòa phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn 12, xã Hòa phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 438449; Y = 1393240.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.900 m³/ngày đêm, tương đương 362,5 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ Trạm xử lý nước thải tập trung tự chảy theo đường ống bê tông cốt thép (D600 mm, dài 150 m) chảy ra Sông Sêrêpôk.
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số $K_q = 1,1$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Lưu lượng (Đầu vào và đầu ra)	m ³ /giờ	-	03 tháng/lần	Chưa lắp đặt
02	Nhiệt độ	°C	40		
03	pH	-	6 - 9		
04	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	55		
05	COD	mg/l	82,5		
06	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,5		
07	Màu	Pt/C ₀	50		
08	BOD ₅ (20°C)	mg/l	33		Không yêu cầu
09	Asen	mg/l	0,055		
10	Thủy ngân	mg/l	0,0055		
11	Chì	mg/l	0,11		
12	Cadimi	mg/l	0,055		
13	Crom (III)	mg/l	0,22		
14	Crom (VI)	mg/l	0,055		
15	Đồng	mg/l	2,2		
16	Kẽm	mg/l	3,3		
17	Niken	mg/l	0,22		
18	Mangan	mg/l	0,55		
19	Sắt	mg/l	1,1		
20	Tổng Xianua	mg/l	0,077		
21	Tổng Phenol	mg/l	0,11		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,5		
23	Sunfua	mg/l	0,22		
24	Florua	mg/l	5,5		
25	Tổng nitơ	mg/l	22		
26	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,4		
27	Clo dư	mg/l	1,1		
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải từ nguồn số 1: Được xử lý sơ bộ tại các cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp (cơ sở thứ cấp) để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 2 và số 3: Được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Vị trí, dung tích các bể tự hoại:

+ Gồm có 02 bể tự hoại 3 ngăn; dung tích thiết kế mỗi bể là 9,464 m³ (Kích thước: 2,6m x 1,4m x 2,6m).

+ Bố trí 01 bể tại Nhà điều hành, 01 bể tại Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Song chắn rác thô → Bể tiếp nhận → Lưới chắn rác mịn → Lắng cát → Tách dầu → Bể điều hòa → Ngăn trung hòa → Bể lắng 1 → Bể Unitank → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Sông Sêrêpôk.

- Công suất thiết kế: 2.900 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch PAC, NaOH, Clorine.

- Bố trí bể chứa bùn (Dung tích 81 m³); sân phơi cát (Kích thước: 8m x 4m x 1,1 m).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Chưa lắp đặt.

Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục chậm nhất là ngày 31/12/2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng hồ sự cố để ứng phó sự cố Trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định.

- Xây dựng, triển khai phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về rò rỉ hóa chất, về điện và cháy nổ.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các cơ sở thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật đã được ban hành.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ duy tu, bảo trì thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung theo quy định.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố vận hành hoặc sự cố nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Tiến hành đóng cửa xả nước thải ra nguồn tiếp nhận; nước thải vượt quy chuẩn được bơm về hồ sự cố để lưu chứa; rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp khắc phục kịp thời và hiệu quả. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa của Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp lưu lượng nước thải của các cơ sở thứ cấp chuyển về vượt quá công suất thiết kế của Trạm xử lý nước thải: Tiến hành bơm nước thải về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời; xác định doanh nghiệp xả thải vượt lưu lượng đã đăng ký đầu nối để yêu cầu cơ sở điều chỉnh lưu lượng xả thải. Nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý.

1.5. Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của cơ sở sản xuất thứ cấp vào Trạm xử lý nước thải tập trung:

Nước thải của các cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp (các doanh nghiệp thứ cấp) đã được xử lý sơ bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B); riêng đối với cơ sở ngành dệt (có công đoạn nhuộm), nước thải phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa và ngược lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Thu gom, đầu nối nước thải của các cơ sở sản xuất thứ cấp trong Khu công nghiệp vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định. Phải có biện pháp quản lý, kiểm soát chất lượng nước thải của các cơ sở thứ cấp trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Trạm xử lý nước thải tập trung phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 4 Điều

48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Xây dựng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 3 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm c Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thời hạn hoàn thành chậm nhất là ngày 31/12/2024.

3.7. Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

01 nguồn phát sinh là máy thổi khí của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ: X = 438567; Y = 1393201 (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
02	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
03	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12
04	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	12
05	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	25
06	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.200
07	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	19 05 02	100
08	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	3.560
09	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	5
10	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	15
Tổng khối lượng			4.944

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in từ văn phòng thải	3
2	Bùn thải từ bể tự hoại	400
Tổng khối lượng		403

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 765 kg/năm được thu gom và phân loại theo quy định, gồm có: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng (khoảng 70 kg/năm); chất thải thực phẩm (Khoảng 670 kg/năm) và chất thải sinh hoạt thông thường khác (Khoảng 25 kg/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 06 thùng HDPE có nắp đậy (Loại 120 lít) và các dụng cụ lưu chứa khác để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát.

- Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung sau khi được ép qua máy ép bùn sẽ được chứa trong các thùng chứa có nắp đậy (thùng HDPE, loại 120 lít) và lưu chứa tạm thời trong kho chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Bố trí 01 kho lưu chứa tại Trạm xử lý nước thải tập trung có diện tích 09 m² (Kích thước: 3m x 3m).

- Thiết kế của kho: Nhà cấp 4, xây kín, nền lát gạch, mái che bằng tôn; có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 06 thùng HDPE có nắp đậy, loại 120 lít (Gồm: 02 thùng chứa chất thải rắn có khả năng tái chế, 02 thùng chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa chất thải sinh hoạt thông thường khác và 01 thùng chứa chất thải công nghiệp thông thường khác) và các dụng cụ lưu chứa khác để lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

- Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được đặt tại vị trí thuận lợi để thu gom, lưu chứa, vận chuyển.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Bố trí 01 kho lưu chứa tại khu vực Nhà điều hành có diện tích 09 m² (Kích thước: 3m x 3m) để lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Thiết kế của kho: Nhà cấp 4, xây kín, nền xi măng, mái che bằng tôn.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty PTHT Khu công nghiệp Hòa Phú có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 của UBND tỉnh “Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa phú” và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như sau:

1. Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng của Khu công nghiệp Hòa phú theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng hệ thống thu gom nước thải trên các trục đường CN5, CN6, CN7 và CN11 để đảm bảo việc thu gom nước thải theo đúng quy định.

2. Xây dựng hồ sự cố để ứng phó sự cố Trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy tại điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 3 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn hoàn thành chậm nhất là ngày 31/12/2024.

4. Tiếp tục trồng cây xanh trong Khu công nghiệp Hòa phú để đảm bảo diện tích cây xanh theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bổ sung các giải pháp kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào tại Khu tiếp nhận nước thải để đảm bảo nước thải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, đặc biệt là các thông số ô nhiễm liên quan đến kim loại nặng và các thông số đặc thù của ngành dệt có công đoạn nhuộm. Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, nước thải phải được đưa về lưu chứa tại hồ sự cố và có các giải pháp xử lý để đảm bảo nước thải đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi

trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng), chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát cho đơn vị có chức năng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Đảm bảo tỷ lệ và diện tích cây xanh trong Khu công nghiệp Hòa Phú theo quy định.

5. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về tài nguyên nước đối với hoạt động khai thác và sử dụng nước dưới đất. Sau khi hệ thống cung cấp nước sạch Khu công nghiệp Hòa phú vận hành, phải chấm dứt tất cả các hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất trong Khu công nghiệp; thực hiện nghiêm việc trám, lấp giếng khoan theo đúng quy trình kỹ thuật và quy định pháp luật.

6. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường khu công nghiệp phù hợp yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới ./.